

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dương Viết Hải

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Cao

Bà: Nguyễn Thị Minh

Thư ký phiên tòa: ông Phan Anh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên (Không tham gia)

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ nơi cư trú: tổ dân phố B, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn Th có tìm hiểu nhau được một thời gian. Sau đó hai bên tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 31/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng nhà bố mẹ chị. Lúc đó anh Th đang ở Bộ Đội đóng quân tại Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không quan tâm, lơ lửng và thiếu trách nhiệm với vợ con, ham chơi bởi không góp tiền cho vợ để lo lắng cho gia đình vợ con, vợ và

hai bên gia đình góp ý kiến anh không nghe mà còn có lời nói xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau, không ai nói ai nghe, trong cuộc sống chung không có sự bàn bạc, ai muốn làm gì thì làm, nên đến năm 2014 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, lo lắng cho nhau, người nào lo công việc người đó. Hiện nay, chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, nên tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Th để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn Th trình bày: anh đồng ý như phần trình bày của chị Trần Thị H tại Tòa án về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống vợ chồng; còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi Bộ đội, đơn vị đóng xa nhà, với lại ham chơi nên không quan tâm đến vợ con trong một thời gian dài. Từ năm 2014 cho đến nay, hai bên vợ chồng sống ly thân, ai lo và biết công việc của người đó, không quan tâm lo lắng gì đến nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh thấy đang còn thương yêu vợ con, nên mong Tòa án hòa giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ cùng nhau để nuôi dạy con chung. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó Tòa án đã gửi giấy triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Th đến trụ sở Tòa án để hòa giải nhiều lần nhưng anh Th đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Th, nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 10/7/2020 và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho anh Th, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn vắng mặt không có lý do.

Về quan hệ con chung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th đều thống nhất trình bày vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 16/10/2012. Hiện nay cháu M sống cùng với chị H, kể từ khi sinh ra cho đến nay. Anh Thân không quan tâm và gửi tiền cho chị H để chăm sóc, nuôi dưỡng và lo lắng cho con.

Chị Hoài có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đề nghị anh Th đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi. Vì, hiện nay chị là giáo viên, thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 6.243.000 đồng, với lại cháu M sinh sống và học tập cùng chị kể từ khi sinh ra cho đến nay nên đã ổn định, con chung cũng có nguyện vọng được sống chung cùng chị, từ khi sinh con anh Th không đưa tiền cho chị để lo lắng cuộc sống của con, nhưng một mình chị cũng tự lo lắng đảm bảo cuộc sống cho con. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Th góp tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Anh Th cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nhưng chị H cũng có mong muốn được nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th đều khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai

vay nợ gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị H và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử. Ngày 14/5/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án viết tại bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra giao nộp tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Bị đơn anh Th đã trình bày ý kiến của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Sau đó Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa vào ngày 10/7/2020, nhưng anh Th đều vắng mặt không có lý do, nên tòa án phải hoãn phiên tòa. Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Th. Tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện anh Th cố tình vắng mặt nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 31/12/2007 nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do hai có nhiều bất đồng trong cuộc sống, nên đã có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, không quan tâm lo lắng, chăm sóc nhau. Từ đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay, chị H khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau, nên chị kiên quyết xin ly hôn; còn anh Th cũng thừa nhận do anh công tác xa nhà, ham chơi bởi nên không có thời gian quan tâm đến vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, ai lo và biết công việc của người đó, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, nên chị H mới kiên quyết xin ly hôn anh. Tuy nhiên, anh cho rằng anh còn thương yêu chị H và con nên mong muốn chị H bỏ qua những mâu thuẫn để trở lại sống chung cùng nhau và nuôi dạy con chung, nhưng trong thời gian qua anh Th cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm của vợ chồng. Tòa án cũng đã triệu tập anh nhiều lần để hòa giải, phân tích, giải thích những mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng anh không đến thể hiện không có thiện chí trong việc vun đắp tình cảm vợ chồng, cố tình gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này cũng thể hiện anh Th không hề quan tâm, lo lắng gì đến việc gia đình, mà để mặc cho chị H muốn

làm gì thì làm, đã cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị H, anh Th và con chung thấy. Hiện nay con đang sống chung cùng chị H từ khi sinh cho đến nay đã ổn định cuộc sống sinh hoạt và học tập; con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống, học tập cùng chị H. Với lại, chị H làm giáo viên, thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 6.243.000 đồng, nên cũng lo lắng đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của con. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân anh Th cũng không đưa tiền cho chị H để lo lắng cho cuộc sống con, nhưng chị H cũng lo lắng cho cuộc sống của con được đảm bảo, ổn định; còn anh Th cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con, đã thể hiện sự quan tâm của bố mẹ đối với con, nhưng từ trước đến nay con đã sống, học tập ổn định cùng chị H, hiện nay anh Th đã ra quân đi làm việc nhiều nơi, công việc, chỗ ở và thu nhập không được ổn định, nên khó có điều kiện để chăm sóc, lo lắng cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao con chung cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 16/10/2012 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th đều khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Th. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quan hệ con chung: xử giao cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Th có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: xử buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, theo biên lai thu số 003428 ngày 05/3/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Quảng Bình(02 bản);
- UBND phường Q;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Dương Viết Hải